

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 27/6/2022

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy

Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện T, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện T, Thanh Hóa.

Người kháng cáo: Anh Lê Văn B.

Tại phiên tòa: Có mặt anh B, chị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Lê Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị D xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/12/2016 tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được hơn

một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo. Quá trình ly thân vợ chồng đã làm đơn ra Tòa án yêu cầu được ly hôn, song được Tòa án hòa giải, vợ chồng đoàn tụ nhưng thời gian không được bao lâu lại phát sinh mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Lê Văn B đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh chị.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Văn M, sinh ngày 24/6/2017. Ly hôn, anh Lê Văn B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu M cho đến khi cháu trưởng thành, yêu cầu chị Lê Thị D đóng góp nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung : Anh Lê Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Lê Văn B xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/12/2016 tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo. Quá trình ly thân vợ chồng đã làm đơn ra Tòa án yêu cầu được ly hôn, song được Tòa án hòa giải, vợ chồng đoàn tụ nhưng thời gian không được bao lâu lại phát sinh mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Lê Thị D đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh chị.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Văn M, sinh ngày 24/6/2017. Ly hôn, chị Lê Thị D yêu cầu được trực tiếp nuôi sóc cháu Lê Văn M cho đến khi cháu trưởng thành, chị Lê Thị D tự nguyện không yêu cầu anh B đóng góp nuôi con chung, anh B tự trợ cấp cho con như thế nào chị không cản trở.

- Về tài sản chung : Chị Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Tại bản án sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

Áp dụng: Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn B và chị Lê Thị D.

- Về con chung: Giao cháu Lê Văn M, sinh ngày 24/6/2017 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành. Anh B không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị D, được quyền đi lại chăm sóc con chung, chị D không được ngăn cản cản trở.

- Về tài sản : Anh Lê Văn B chị Lê Thị D không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, anh Lê Văn B có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Lê Văn M cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là chưa đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ, chưa xem xét đến các điều kiện để đảm bảo đến sự phát triển của cháu. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao cháu Lê Văn M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo, anh B và chị D đều xin được nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh B. Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị Quyết 326/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Văn B gửi trong thời hạn quy định, hợp lệ được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Văn B với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn M thì thấy rằng: anh B và chị D đều có nguyện vọng nuôi con là chính đáng, tuy nhiên giao con cho ai nuôi phải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi mọi mặt từ thể chất đến tinh thần cho con, con phải được nuôi dưỡng một cách tốt nhất, để được phát triển toàn diện về mọi mặt. Xét thấy, cả anh B và chị D đều có đủ điều kiện nuôi con, đều có công việc, có nơi ở và thu nhập ổn định. Tuy nhiên, anh B đi làm ở thành phố Thanh Hóa, sáng đi tối về, phải nhờ ông bà nội đưa đón cháu đi học, trong khi chị D làm việc gần nhà, có thể tự đưa đón cháu đi học hằng ngày. Mặt khác, cháu M mới 5 tuổi, còn quá nhỏ nên rất cần sự chăm sóc chu đáo, tận tình và trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của anh B xin được trực tiếp nuôi con, giữ nguyên án sơ thẩm về phần giao nuôi con như án sơ thẩm đã xử là phù hợp pháp luật.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Anh Lê Văn B phải nộp án phí phúc thẩm vì kháng cáo của anh B không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa về phần giao nuôi con.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh B phải nộp 300.000đ, đã nộp đủ tại biên lai thu số 5872, ngày 19/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- VKSND huyện T;
- Tòa án ND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga

